



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Được kiểm toán bởi:

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU
TẠI NHA TRANG**

Địa chỉ: 387/6 Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI
NHA TRANG**

PHẦN MỤC LỤC

(Báo cáo kiểm toán số: 06 /BCTC-AEA-NT ngày 06/03/2026)

<u>Stt</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03-04
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-19



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Công ty

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty 100% vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Lâm nghiệp Di Linh (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000449 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2012 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, cấp sửa đổi lần thứ sáu ngày 19/09/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu là 190.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng).

2. Trụ sở chính

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

3. Hoạt động kinh doanh chính

* Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động QLBRV; hoạt động khai thác chế biến gỗ thành phẩm từ rừng trồng và hoạt động kinh doanh xăng dầu.

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ban lãnh đạo Công ty

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này như sau:

a. Hội đồng thành viên

- Ông Lê Thành Thái	Chủ tịch HĐQT- Người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Ông Trần Hoàng Nhất	Thành viên
- Ông Vĩnh Sơn	Thành viên
- Ông Phạm Hữu Hào	Thành viên
- Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên

b. Ban Giám đốc

- Ông Trương Văn Hiếu	Giám đốc
- Ông Hàn Văn Nam	Phó Giám đốc

c. Kiểm soát viên

- Ông Phạm Hòa Nam	Trưởng ban kiểm soát
--------------------	----------------------

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo nhận định của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của HĐQT và Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

HĐTV và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các loại tài sản của Công ty, các xét đoán và ước tính chi phí quan trọng và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

8. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu tại Nha Trang được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty.

Ngày 06 tháng 03 năm 2026
Thay mặt Hội đồng thành viên



Lê Thành Thái
Chủ tịch Hội đồng thành viên



Nha Trang, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Số 06/BCTC-AEA-NT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CUỐI NIÊN ĐỘ TỪ 01/01/2025 ĐẾN 31/12/2025
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP DI LINH

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cuối niên độ cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp DI LINH từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT, Ban Giám Đốc và Kiểm Toán Viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục kiểm toán cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính, công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn của cuộc kiểm toán

Do chúng tôi được chỉ định cuộc kiểm toán sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, kiểm kê tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với tài liệu được cung cấp, các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu của chỉ tiêu tiền mặt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, tính đúng đắn về số lượng cũng như tình trạng của tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025.

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực Lâm nghiệp, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê toàn bộ diện tích rừng trồng của Công ty tại ngày 31/12/2025. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận tính hiện hữu của diện tích rừng trồng này tại thời điểm trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính cuối niên độ.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung để đối chiếu, xác nhận các khoản điều chỉnh vốn đã trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty tạm ghi nhận doanh thu đặt hàng theo số kinh phí được phân bổ từ NSNN theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phân bổ kinh phí đặt hàng bảo vệ rừng tự nhiên năm 2025 cho các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, do tới thời điểm kiểm toán đơn vị chưa ký kết hợp đồng đặt hàng 2025 với Sở Nông nghiệp và Môi trường và chưa nghiệm thu diện tích rừng tự nhiên ký hợp đồng đặt hàng với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng. Đối với doanh thu cung ứng DVMTR, đơn vị tạm ghi nhận theo Quyết định 2529/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền DVMTR năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, do tới thời điểm kiểm toán chưa phê duyệt đơn giá chính thức.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các khoản mục đã nêu trên, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI NHÀ TRANG



NGUYỄN THỊ THANH HOA

Kiểm toán viên Việt Nam

GCN ĐKHN Kiểm toán số 6084-2025-111-1



HUỲNH VĂN HIẾN

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4897-2024-111-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.569.335.596	47.591.518.007
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.763.444.729	4.941.749.397
Tiền	111		3.763.444.729	4.941.749.397
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	29.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	131	V.02	30.000.000.000	29.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.349.205.478	11.430.010.272
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.632.910.748	9.385.582.178
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	200.000.000	372.140.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.516.294.730	1.672.288.094
Hàng tồn kho	140	V.06	2.231.098.527	1.818.676.181
Hàng tồn kho	141		2.231.098.527	1.818.676.181
Tài sản ngắn hạn khác	150		225.586.862	401.082.157
Chi phí trả trước ngắn hạn	222	V.07	27.936.703	32.389.659
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.08	197.650.159	368.692.498
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166.501.317.021	170.036.773.978
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		13.238.925.224	12.868.853.878
TSCĐ hữu hình	221	V.09	13.238.925.224	12.868.853.878
Nguyên giá	222		34.530.654.392	32.853.652.191
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.291.729.168)	(19.984.798.313)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	137.937.660	679.848.001
Bất động sản đầu tư	411		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	421		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		153.124.454.137	156.488.072.099
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	321.775.447	472.896.179
Tài sản dở dang dài hạn khác		V.12	152.802.678.690	156.015.175.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		213.070.652.617	217.628.291.985

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
NGUỒN VỐN		THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.837.776.079	5.426.496.701	
Nợ ngắn hạn	310		7.054.189.223	3.599.646.461	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	122.449.601	67.972.938	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.862.227.122	319.631.431	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	953.736.646	299.349.603	
Phải trả người lao động	314	V.16	3.683.692.915	2.560.303.362	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	45.782.913	66.275.184	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	386.300.026	286.113.943	
Nợ dài hạn	330		1.783.586.856	1.826.850.240	
Phải trả dài hạn khác	337	V.19	1.256.144.250	1.256.144.250	
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	V.20	527.442.606	570.705.990	
VỐN CHỦ SỞ HỮU			204.232.876.538	212.201.795.284	
Vốn chủ sở hữu	410	V.21	193.464.147.602	197.431.395.821	
Vốn góp của chủ sở hữu	411		190.000.000.000	8.617.730.943	
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	175.066.145.075	
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.263.374.087	11.833.309.601	
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		(90.666.667)	(90.666.667)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.214.106.287	1.927.542.974	
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		77.333.895	77.333.895	
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.768.728.936	14.770.399.463	
Nguồn kinh phí	431	V.22	9.954.019.939	14.491.027.764	
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.23	814.708.997	279.371.699	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			213.070.652.617	217.628.291.985	

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Người lập

Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng

Lê Thị Kiều Thu



Ngày 06 tháng 03 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Lê Thành Thái

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	44.739.303.205	38.218.660.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.739.303.205	38.218.660.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	34.826.816.938	30.111.484.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.912.486.267	8.107.176.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.360.401.215	1.575.391.236
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.27	390.217.370	351.678.798
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	7.974.691.661	7.205.701.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.907.978.451	2.125.187.637
11. Thu nhập khác	31	VI.29	68.518.246	317.397.686
12. Chi phí khác	32	VI.30	258.026.650	28.970.470
13. Lợi nhuận khác	40		(189.508.404)	288.427.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.718.470.047	2.413.614.853
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	504.363.760	486.071.879
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.214.106.287	1.927.542.974
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập


Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng


Lê Thị Kiều ThuNgày 06 tháng 03 năm 2026
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Lê Thành Thái

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP TRỰC TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	01	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	50.150.405.273	40.532.378.128
2	02	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	(17.414.231.413)	(13.999.273.444)
3	03	Tiền chi trả cho người lao động	(11.535.317.950)	(11.963.638.815)
4	04	Tiền chi trả lãi vay	-	-
5	05	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	(221.141.510)	(804.800.000)
6	06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.211.897.659	10.733.293.949
7	07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(24.464.157.760)	(24.392.087.956)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			727.454.299	105.871.862
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	21	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	(2.266.160.182)	(3.119.817.514)
2	22	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	-	139.600.000
3	23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.000.000.000)	(10.000.000.000)
4	24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	2.000.000.000	13.500.000.000
5	25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6	26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7	27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.360.401.215	1.575.391.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			(1.905.758.967)	2.095.173.722
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2	32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3	33	Tiền thu từ đi vay	-	-
4	34	Tiền trả nợ gốc vay	-	-
5	35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6	36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)			(1.178.304.668)	2.201.045.584
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			4.941.749.397	2.740.703.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ			-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			3.763.444.729	4.941.749.397

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập
Lê Thị Mai ThảoLê Thị Kiều Thu
Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 03 năm 2026

Lê Thành Thái
Chủ tịch Hội đồng thành viên

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty 100% vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Lâm nghiệp Di Linh (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000449 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2012 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, cấp sửa đổi lần thứ sáu ngày 19/09/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu là 190.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng).

Công ty có trụ sở đặt tại: Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

- + Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- + Trồng cây cao su; Chăn nuôi khác; Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- + Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- + Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- + Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trong danh mục Nhà nước cho phép);
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế nha khoa chính hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ y tế từ gỗ (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện và gia công cơ khí tại trụ sở);
- + Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng các công trình nông, lâm nghiệp;
- + Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái;
- + Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây lâu năm khác;
- + Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- + Trồng rừng, chăm sóc rừng và uơm giống cây lâm nghiệp;
- + Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu [các loại cổ phiếu, công trái, các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác được niêm yết, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn] có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua). Lãi thu được từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận trên doanh thu hoạt động tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán Nợ các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có);

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

* Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

** Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư sửa đổi số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư sửa đổi số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Các tài sản cố định hữu hình phục vụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình:	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
TSCĐ khác	05-20

b. TSCĐ vô hình:

Công ty không có TSCĐ vô hình.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan (nếu có) phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8. Nguyên tắc kế toán Nợ các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, bao gồm:

* Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (tổ chức, cá nhân) là đơn vị độc lập với Công ty.

* Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả từ thực hiện giao dịch không mang tính thương mại.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải được tính toán chặt chẽ và phải có bằng chứng tin cậy, hợp lý.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn do nhà nước cấp kinh phí đầu tư vào giá trị rừng trồng được ghi nhận theo từng năm sau khi được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán công trình lâm sinh hình thành từ các năm trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Năm 2025, Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu đặt hàng quản lý bảo vệ rừng (nguồn kinh phí từ Sở Tài chính; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng); Doanh thu bán hàng hóa (xăng, dầu) và doanh thu từ hoạt động bán các sản phẩm gỗ từ rừng trồng. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính là số thuế thu nhập phải nộp trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính bao gồm cả thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	533.401.953	264.833.870
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	533.401.953	264.833.870
+ Tiền mặt tại quỹ ngoại tệ	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	3.230.042.776	4.676.915.527
<i>Tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ</i>	-	-
<i>Tiền đang chuyển</i>	-	-
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	-
Tổng cộng	<u><u>3.763.444.729</u></u>	<u><u>4.941.749.397</u></u>
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	30.000.000.000	29.000.000.000
Tổng cộng	<u><u>30.000.000.000</u></u>	<u><u>29.000.000.000</u></u>
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty TNHH Bích Giang Đà Lạt	169.074.500	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Lâm sản Đà Lạt	547.314.300	-
Công ty TNHH SXTM Dịch vụ và Vận chuyển Hải Minh Phú	1.150.202.449	963.291.299
Công ty CP Đầu tư Trang My Đạt	112.483.000	162.483.000
Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Gỗ Bao Bì Đức Huy	-	34.074.900
Công Ty TNHH Kinh Doanh Thương Mại Và Dịch Vụ Vinfast	-	19.800.000
Các đối tượng khác	5.653.836.499	8.205.932.979
Tổng cộng	<u><u>7.632.910.748</u></u>	<u><u>9.385.582.178</u></u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công Ty TNHH An Toàn Việt	200.000.000	200.000.000
Lê Văn Thọ	-	35.560.000
CÔNG TY TNHH KINH DOANH HOÀNG GIA II	-	68.580.000
CÔNG TY TNHH TRẮC ĐỊA SÀI GÒN	-	68.000.000
Tổng cộng	<u><u>200.000.000</u></u>	<u><u>372.140.000</u></u>
5. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tạm ứng	1.565.000.000	862.715.151
Phải thu BHXH	1.328.855	-
Phải thu khác (lãi dự thu-thu hộ thuế TNCN)	949.965.875	809.572.943
Tổng cộng	<u><u>2.516.294.730</u></u>	<u><u>1.672.288.094</u></u>

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	66.953.974	162.583.488
Công cụ dụng cụ	-	5.405.274
Chi phí SXKD dở dang	403.696.032	-
Thành phẩm	1.589.682.824	1.523.378.114
Hàng hóa	170.765.697	127.309.305
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.231.098.527	1.818.676.181
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	2.231.098.527	1.818.676.181

7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn chờ phân bổ	27.936.703	32.389.659
Tổng cộng	27.936.703	32.389.659

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	64.328.738	368.692.498
Tiền thuế đất nộp thừa	133.321.421	-
Tổng cộng	197.650.159	368.692.498

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	22.151.737.774	491.403.520	-	22.643.141.294
Máy móc thiết bị	4.622.134.386	1.277.535.832	-	5.899.670.218
Phương tiện vận tải	5.040.129.382	316.666.667	450.503.818	4.906.292.231
TSCĐ khác	1.039.650.649	41.900.000	-	1.081.550.649
Tổng	32.853.652.191	2.127.506.019	450.503.818	34.530.654.392

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa, vật kiến trúc	11.984.660.155	1.228.770.075	-	13.213.430.230
Máy móc thiết bị	3.359.962.778	222.248.673	-	3.582.211.451
Phương tiện vận tải	4.019.788.709	217.305.085	450.503.818	3.786.589.976
TSCĐ khác	620.386.671	89.110.840	-	709.497.511
Tổng	19.984.798.313	1.757.434.673	450.503.818	21.291.729.168

Giá trị còn lại

Nhà cửa, vật kiến trúc	10.167.077.619	-	-	9.429.711.064
Máy móc thiết bị	1.262.171.608	-	-	2.317.458.767
Phương tiện vận tải	1.020.340.673	-	-	1.119.702.255
TSCĐ khác	419.263.978	-	-	372.053.138
Tổng	12.868.853.878	-	-	13.238.925.224

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Cuối năm	Đầu năm
10. Chi phí XDCB dở dang		
Trồng và chăm sóc cây Mắc ca	137.937.660	-
Trồng và chăm sóc rừng thông	-	679.848.001
Tổng cộng	137.937.660	679.848.001
11. Chi phí trả trước dài hạn		
CCDC dài hạn chờ phân bổ	321.775.447	472.896.179
Tổng cộng	321.775.447	472.896.179
12. Tài sản dở dang dài hạn khác (*)		
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm	138.738.139.440	146.894.030.648
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2019	3.245.210.302	3.245.210.302
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2020	3.049.870.911	3.049.870.911
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2021	3.383.259.531	2.826.064.059
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2024	2.226.144.758	-
Trồng rừng và chăm sóc rừng các năm trên đất trống	2.160.053.748	-
Tổng cộng	152.802.678.690	156.015.175.920
(*) Tài sản dở dang dài hạn khác là các khoản chi phí SXKD dở dang (chi phí trồng và chăm sóc rừng trồng) theo Kế hoạch của UBND tỉnh Lâm Đồng, mang tính chất dài hạn.		
13. Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Đức Trung Lâm Đồng	-	5.000.000
Công Ty TNHH Kiến Trúc Cao Nguyên Xanh	-	22.348.448
Công Ty TNHH Sản Xuất TMDV và Vận Chuyển Hải Minh Phú	-	32.428.490
Công Ty TNHH 1TV Khánh My Wood	73.002.990	-
Công Ty TNHH Thiết Bị Khánh Đăng	-	4.196.000
Công Ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Minh Hoàng LN	-	4.000.000
Hợp Tác Xã Vận Tải Di Linh	41.534.389	-
Công Ty TNHH Tiến Dũng	7.912.222	-
Tổng cộng	122.449.601	67.972.938
14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Gỗ Bao Bì Đức Huy	50.000.800	-
Công Ty TNHH Công Nghiệp Phú Minh Trí	100.000.000	100.000.000
Công Ty TNHH Tân Liên Thành	-	36.645.204
Công Ty Cổ Phần Long Đình	-	127.500.000
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và XNK Nông Sản Tây Nam Bộ	50.000.000	50.000.000
Sở Tài chính Lâm Đồng	1.250.835.214	-
Đặng Thị Ngà	50.000.000	-
Hộ Kinh Doanh Nguyễn Văn Tiến	30.000.500	-
CN Công Ty TNHH Lạc Việt - Phan Xương Bá Lạc	100.000.000	-
Đỗ Ngọc Luyến	100.000.000	-
Nguyễn Hữu Hưng	130.000.000	-
Các đối tượng khác	1.390.608	5.486.227
Tổng cộng	1.862.227.122	319.631.431

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Cuối năm	Đầu năm
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT	871.913.631	285.216.508
Thuế TNCN	81.186.651	12.799.762
Thuế khác	636.364	1.333.333
Tổng cộng	953.736.646	299.349.603
16. Phải trả người lao động		
Lương phải trả quản lý	1.072.731.700	998.980.000
Lương phải trả nhân viên	2.610.961.215	1.561.323.362
Tổng cộng	3.683.692.915	2.560.303.362
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Các khoản chi phí phải trả khác	45.782.913	66.275.184
Tổng cộng	45.782.913	66.275.184
18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	386.300.026	286.113.943
Tổng cộng	386.300.026	286.113.943
19. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả dự án Flitch	1.256.144.250	1.256.144.250
Tổng cộng	1.256.144.250	1.256.144.250
20. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	527.442.606	570.705.990
Tổng cộng	527.442.606	570.705.990
21. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP và các quỹ
Số dư đầu năm trước	8.617.730.943	2.130.883.734
Góp vốn trong năm	-	-
Lãi trong năm	-	1.927.542.974
Phân phối LN	-	(2.130.883.734)
Điều chỉnh giảm khác	-	-
Số dư cuối năm trước	8.617.730.943	1.927.542.974
Số dư đầu năm nay	8.617.730.943	1.927.542.974
Góp vốn trong năm	-	-
Lãi trong kỳ	-	2.214.106.287
Phân phối LN	-	(1.927.542.974)
Điều chỉnh tăng (*)	181.382.269.057	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	190.000.000.000	2.214.106.287

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu
Số dư đầu năm	(90.666.667)	77.333.895	11.833.309.601	175.066.145.075
Đ/c tăng	-	-	-	-
Đ/c giảm (**)	-	-	10.569.935.514	175.066.145.075
Số dư cuối năm	(90.666.667)	77.333.895	1.263.374.087	-

(*) Công ty điều chỉnh giảm mã số (414) Vốn khác của chủ sở hữu 170.812.333.543 đồng và giảm mã số (418) Quỹ đầu tư phát triển 10.569.935.514 đồng và tăng mã số (411) Vốn góp của chủ sở hữu 181.382.269.057 đồng theo Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 07/05/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

(**) Công ty điều chỉnh giảm mã số (414) Vốn khác của chủ sở hữu 4.253.811.532 đồng, đồng thời giảm giá trị rừng trồng 4.253.811.532 đồng do thu hồi đất cho Trang My Đạt thuê theo Quyết định 1645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 và Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh thuê đất theo Quyết định 2961/QĐ-UBND ngày 16/12/2021.

b. Vốn pháp định

Giấy phép kinh doanh	VND	Vốn góp đến 31/12/2025
		Tổng cộng VND
	190.000.000.000	190.000.000.000
	190.000.000.000	190.000.000.000

(Vốn pháp định (vốn điều lệ) ghi nhận theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tại lần thay đổi gần nhất. Vốn góp đến 31/12/2025 ghi nhận theo số liệu của Công ty tổng hợp và điều chỉnh trên Bảng dân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, chưa xét đến các yếu tố ảnh hưởng khác (nếu có).

22. Nguồn kinh phí	Cuối năm	Đầu năm
Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	5.216.480	11.146.372.695
Nguồn tái tạo rừng sau KTT và T09	7.754.457.713	7.754.457.713
Nguồn vốn rừng đề án	34.291.998	34.291.998
Nguồn vốn đầu tư công_trồng rừng đất trống	2.160.053.748	1.476.889.184
Chi sự nghiệp	-	(5.920.983.826)
Tổng cộng	9.954.019.939	14.491.027.764

23. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Cuối năm	Đầu năm
Nguồn kinh phí đầu năm	279.371.699	315.177.330
Nguồn kinh phí tăng trong năm	634.783.520	-
Nguồn kinh phí giảm trong năm (hao mòn TSCĐ)	(99.446.222)	(35.805.631)
Nguồn kinh phí cuối năm	814.708.997	279.371.699

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Năm nay	Năm trước
30. Chi phí khác		
Chi phí nộp phạt thuế	148.331.082	16.744.544
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	12.225.926
Chi phí khác	109.695.568	-
Tổng cộng	258.026.650	28.970.470
31. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.718.470.047	2.413.614.853
+ Các khoản điều chỉnh tăng LN kế toán (các khoản chi không được trừ)	258.026.650	16.744.544
+ Các khoản điều giảm LN kế toán:	(9.651.050)	
Thu nhập chịu thuế	2.966.845.647	2.430.359.397
+ Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	504.363.760	486.071.879
Thuế TNDN truy thu năm trước	-	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm	504.363.760	486.071.879

VII. Những thông tin khác**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ tài chính tại ngày 31/12/2025**

Ban giám đốc Công ty khẳng định không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

2. Số liệu so sánh

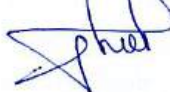
Theo số liệu kiểm toán được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu tại Nha Trang lập ngày 06/03/2025.

Người lập



Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thị Kiều Thu